

Bản án số: 555/2026/HS-PT
Ngày 16 - 07 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Minh Quốc Bảo - Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 430/HSPT ngày 22 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Trần Lê Như Q do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 265/2026/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Trần Lê Như Q, sinh năm 2003 tại Đồng Nai; nơi thường trú: tổ E, khu phố E, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ); chỗ ở hiện nay: tổ B, khu phố C, xã T, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ); nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trường S và bà Lê Thị T; chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; tại ngoại, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Trần Tây S1, Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

- **Bị hại:** Chị Đỗ Thị Mai H, sinh năm 1999; địa chỉ: I đường số B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 04/2025, Trần Lê Như Q thấy chị Đỗ Thị Mai H đăng tin tìm người ở ghép trên mạng xã hội Facebook nên Q có nhắn tin cho chị H qua zalo để đăng ký ở ghép, sau đó Q đến ở cùng phòng trọ với chị H tại lầu 2 căn nhà số I Đường số B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 04/2025 cho đến nay, ở cùng phòng trọ Q và H còn có Vũ Thị Khánh L. Quá trình ở chung, Q đã nhiều lần mượn xe Honda Vision biển số 72C2-279.25 của chị H và biết chị H hay để chìa khóa xe trong hộc cất đồ của xe. Vào ngày 08/08/2025, do thiếu nợ và không có tiền tiêu xài nên Q đã nảy sinh ý định lấy trộm xe của chị H đi cầm để có tiền tiêu xài. Tối ngày 08/08/2025, lúc này Q ở cùng phòng trọ với chị H, trong lúc chị H đi tắm Q đã mở túi xách của chị H lấy giấy tờ xe Honda Vision biển số 72C2-279.25 của chị H đang cất trong bóp rồi cất giấu trong túi xách của Q. Khoảng 23 giờ ngày 09/08/2025, khi chị H và chị L đang ở trên phòng, Q đi xuống dưới nhà thấy chị H vẫn để chìa khóa xe trong hộc cất đồ của xe Honda Vision biển số 72C2-279.25. Quỳnh lấy chìa khóa, mở khóa xe, mở cửa nhà và dẫn xe ra ngoài, sau khi dẫn xe ra khỏi nhà Q khóa cửa nhà lại. Sau đó, Q điều khiển xe Honda Vision biển số 72C2-279.25 đến cửa hàng cầm đồ Mạnh H1 địa chỉ số A đường P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm với giá 15.000.000 đồng, chủ tiệm cầm đồ là Nguyễn Văn T1 chuyển khoản số tiền 14.800.000 đồng (trừ 200.000 đồng là tiền phí khi nhận tiền chuyển khoản) cho Q vào tài khoản của Q số 16978031 mang tên TRAN LE NHU QUYNH mở tại Ngân hàng A. Sau khi nhận được tiền, Q đến tiệm I, địa chỉ số C đường N, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trả nợ và sử dụng hết.

Qua truy xét, khoảng 17 giờ 15 phút ngày 10/08/2025, Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Q đang đứng trước tiệm internet 269 Gaming nên đưa về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Trần Lê Như Q khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 30/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự cấp phường thuộc Ủy ban nhân dân phường A kết luận: 01 xe mô tô Honda Vision biển số 72C2-279.25 có trị giá 20.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: theo Quyết định chuyển vật chứng số 212/QĐ-VKS-KV7, ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về trách nhiệm dân sự: người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T1 đã nhận bồi thường 15.000.000 đồng và làm đơn bãi nại cho bị cáo Q.

Tại bản Cáo trạng số: 270/CT-VKS ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Lê Như Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 265/2026/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Lê Như Q: 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 23/4/2026 bị cáo Trần Lê Như Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, xin áp dụng hình phạt là cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận định bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Đỗ Thị Mai H gửi đơn xin bãi nại và đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn rút đơn tố giác đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội thì mức án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1 (chủ tiệm C) số tiền 15.000.000 đồng, ông T1 có đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra bị cáo còn có ông nội là ông Trần Ngọc Q1 và bà nội là bà Trần Thị Đ đã tham gia kháng chiến và được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, quy định tại điểm b điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại Đỗ Thị Mai H gửi đơn xin bãi nại và đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đơn rút đơn tố giác đối với bị cáo mà chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo đồng ý với luận cứ của luật sư, không tranh luận bổ sung.
- Bị hại trình bày: đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo.
- Kiểm sát viên đối đáp: không đối đáp.

- Bị cáo nói lời sau cùng đã nhận thức được hành vi sai trái xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 23 giờ ngày 09/8/2025, tại nhà trọ địa chỉ số I đường số B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Lợi dụng sơ hở của chị Đỗ Thị Mai H trong việc quản lý tài sản, bị cáo Trần Lê Như Q đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy Honda Vision biển số 72C2-279.25. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo Q đem tài sản đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Qua định giá thì tài sản bị chiếm đoạt có trị giá 20.000.000 đồng.

Qua truy xét Cơ quan điều tra đã xác định được bị cáo Trần Lê Như Q là người đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, thu hồi tài sản trả lại cho chủ sở hữu, chủ tiệm cầm đồ được bị cáo trả lại tiền đã cầm cố.

Như vậy, hành vi khách quan của bị cáo Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) (viết tắt là Bộ luật Hình sự), với tình tiết định tội là chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[2] Với hành vi khách quan nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Lê Như Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm) là đúng người, đúng tội, không có oan sai.

Và khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; đã trả số tiền 15.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 (chủ tiệm cầm đồ M), ông T1 có đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra bị cáo còn có ông nội là ông Trần Ngọc Q1 và bà nội là bà Trần Thị Đ đã tham gia kháng chiến và được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, quy định tại điểm b điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù, là trong khung hình phạt.

[3] Tuy nhiên, trong vụ án này cần xem xét cho bị cáo như sau:

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại Đỗ Thị Mai H gửi các đơn và xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt và rút đơn tố giác đối với bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có 06 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Không có tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự. Có nơi cư trú rõ ràng, từ lúc được tại ngoại cho đến nay không vi phạm pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 của Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì bị cáo đủ điều kiện quy định tại Điều 2 và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo tại Điều 3 của Nghị quyết 02 và Điều 1 của Nghị quyết 01 đều hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Vì vậy, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hậu quả của hành vi phạm tội. Thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách. Cũng đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Với lập luận tại đoạn [1], [2] và [3] là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận hay không chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, yêu cầu kháng cáo của bị cáo và trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo, trình bày của bị hại.

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp sửa án này là do có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và là quan điểm đánh giá về áp dụng hình phạt của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và **điểm e** khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025);

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Lê Như Q 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;(1) **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp . HCM;(3)

- VKSND Khu vực 7; (1)

- THA-DS Khu vực 7; (1)

- TAND Khu vực 7; (2)

- Công an Tp . HCM; (1)

- Phòng PV 06 - CA Tp. HCM;(1)

- Bị cáo;(1)

- Bị hại;(1) **Bùi Đức Nam**

- Sở Tư pháp; (1)

- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)

- Lưu, hình sự, hồ sơ; (18) (4)